

Kính gửi:

- Văn phòng Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Các đơn vị trường học trực thuộc.

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách nhà nước; Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách nhà nước.

Căn cứ Thông tư số 38/2019/TT-BTC ngày 18/7/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2020-2022; kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Công văn số 1536/STC-QLNS ngày 18/7/2019 của Sở Tài chính về việc triển khai thực hiện công tác xây dựng dự toán NSNN năm 2020 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm.

Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn văn phòng Sở, các đơn vị trực thuộc lập dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2020 như sau :

1. Tình hình thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên năm 2019:

- Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên:

+ Đánh giá tình hình triển khai phân bổ, giao dự toán và thực hiện dự toán NSNN 6 tháng đầu năm và dự kiến cả năm 2019 theo từng lĩnh vực được giao; kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, các chương trình, dự án, những khó khăn vướng mắc và đề xuất biện pháp xử lý;

+ Tình hình, kết quả triển khai cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và bổ sung sửa đổi tại Nghị định 117/2013/NĐ-CP của Chính phủ; tình hình triển khai thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015; Nghị định số 43/2006/NĐ-CP về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập; tình hình thực hiện cơ chế tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập;

- Xác định nhu cầu và nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 9/5/2019 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; Thông tư số 04/2019/TT-BNV ngày 24/5/2019 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện mức lương cơ sở đối với các đối tượng hưởng lương, phụ cấp trong cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội và hội.

2. Lập dự toán thu, chi năm 2020, các đơn vị cần lưu ý một số nội dung sau:

2.1. Đối với trường Cao đẳng sư phạm: Thuyết minh rõ cơ sở xây dựng dự toán theo Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND, lập danh sách chi thực hiện chế độ chính sách cho học sinh theo Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013; Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

Báo cáo số học sinh hiện có, chỉ tiêu tuyển sinh năm học 2019-2020 chi tiết số học sinh đào tạo hệ chính quy, hệ tại chức, đào tạo liên kết...

2.2. Đối với các trường THPT, Trung tâm GDTX tỉnh, Trung tâm Kỹ thuật tổng hợp-ngoại ngữ, tin học: Xác định kinh phí thực hiện Nghị định số 19/2013/NĐ-CP ngày 23/2/2013 của Chính phủ về chính sách đối với nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (nếu có); Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn; chế độ miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 86/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ...

Các đơn vị lập dự toán thu, chi các khoản thu học phí, trông xe đạp, dạy thêm, học thêm và các khoản thu khác theo quy định, xác định 40% từ nguồn thu học phí để thực hiện cải cách tiền lương, thuyết minh rõ cơ sở lập dự toán thu, chi...

2.3. Đối với các trường Phổ thông dân tộc nội trú: Lập dự toán chi tiết các chế độ học sinh nội trú theo Thông tư 109/2009/TT-LT-BTC-BGDDT, kinh phí cấp bù học phí theo mức thu học phí năm học 2019-2020.

(Chi tiết lập dự toán theo mẫu đính kèm).

3. Các đơn vị báo cáo số biên chế được duyệt đến thời điểm lập dự toán, trong đó số biên chế thực có mặt đến thời điểm lập dự toán, số biên chế chưa tuyển theo chỉ tiêu được duyệt (nếu có), số lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ có mặt đến thời điểm lập dự toán.

- Quyết định giao biên chế năm 2019: (QĐ của Sở Giáo dục và Đào tạo đối với các đơn vị trực thuộc; Quyết định của UBND tỉnh đối với Văn phòng Sở);

- Báo cáo số biên chế có mặt tại thời điểm 20/8/2019 và hợp đồng theo Nghị định số 68/CP (nếu có);

- Báo cáo lao động và quỹ tiền lương năm có mặt tại thời điểm 20/8/2019;

(*Biên chế, Hợp đồng NĐ 68 theo mẫu biểu đính kèm*).

- Bảng thanh toán tiền lương tháng 8 năm 2019, trong đó các khoản phụ cấp được quy ra hệ số.

- Các tài liệu khác liên quan đến việc xác định, tính toán dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2020.

Yêu cầu các đơn vị gửi dự toán năm 2020 và các tài liệu kèm theo về Sở Giáo dục và Đào tạo (Phòng Kế hoạch - Tài chính) 03 bộ trước ngày 28/8/2019 để tổng hợp gửi Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân tỉnh. Lịch thảo luận dự toán ngân sách Nhà nước năm 2020 với các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo có lịch thông báo cụ thể sau.

Trên đây là hướng dẫn công tác xây dựng dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2020, Sở Giáo dục và Đào tạo yêu cầu Văn phòng Sở, các đơn vị trực thuộc tổ chức triển khai thực hiện./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở;
- Các phó Giám đốc Sở;
- Website ngành;
- Lưu: VT, KHTC (V10^b)

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Đức Lương

(MẪU DÙNG CHO CÁC TRƯỜNG THPT)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÒA BÌNH
TRƯỜNG...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ TOÁN THU - CHI NSNN NĂM 2020

(Kèm theo Công văn số 1817 /SGD&ĐT-KHTC ngày 22/8/2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

A- CÁC CHỈ TIÊU:

1. Số lao động:

người

a. Biên chế:

- Số biên chế được duyệt (theo QĐ của Sở GD&ĐT)
- Biên chế hiện có
- Biên chế (thừa); (thiếu)

người

người

người

b. Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP:

- Số được giao
- Số có mặt
- Thừa; thiếu

người

người

người

c. Hợp đồng ngắn hạn:

người

người

2. Quy mô trường lớp:

TT	Nội dung	Số lớp	Số học sinh
1	* Khối 10		
2	* Khối 11		
3	* Khối 12		
	Cộng:		

Trong đó:

	Số học sinh được hưởng các chế độ chính sách	Tổng số	Trong đó		
			Khối 10	Khối 11	Khối 12
1	Số học sinh được miễn học phí				
2	Số học sinh được giảm học phí				
	Giảm 70%				
	Giảm 50%				
3	Số học sinh được hỗ trợ chi phí học tập				
4	Số học sinh được hỗ trợ theo ND 116/2016/ND-CP				
5	Số học sinh được hỗ trợ.....				
6	Số học sinh được hỗ trợ.....				
					

B SỐ THU CỦA ĐƠN VỊ

DVT: 1.000 đồng

TT	Nội dung	Thực hiện năm 2018	Năm 2019		Dự toán năm 2020
			Dự toán năm 2019	Ước thực hiện năm 2019	
A	B	1	2	3	4
I	Tổng thu sự nghiệp, dịch vụ	-	-	-	-
1	Thu học phí công lập	-	-	-	-
	- Chi phí hợp lý				

	Tổng cộng	-	-	-	-	-
I	Chi từ nguồn thu sự nghiệp, dịch vụ	-	-	-	-	-
1	Chi tiền lương, BH					
2	Chi hoạt động chuyên môn, quản lý					
3	Trích khấu hao tài sản (Nếu có)					
4	Chi khác theo quy định					
5	Nộp thuế và các khoản nộp NSNN theo quy định					
II	Dự toán chi NSNN cấp	-	-	-	-	-
I	Chi thường xuyên					
1.1	Chi tiền lương, Bảo hiểm, KPCĐ					-
1.2	Chi hoạt động chuyên môn, quản lý					
1.3	Chi khác theo quy định					
2	Chi không thường xuyên					-
2.1	Cấp bù học phí theo ND 86/2015/NĐ-CP (Đã trừ 40% đê CCTL)					

C SỬ DỤNG NGUỒN TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ:

	- Kinh phí để lại đơn vị					
	- Chi phí hợp lý					
8	Thu khác:	-	-	-	-	-
	Trong đó 40% thực hiện CC tiền lương					
	- Kinh phí để lại đơn vị					
	- Chi phí hợp lý					
	- Kinh phí phải nộp NN					
7	Thuế CSVC:	-	-	-	-	-
	Trong đó 40% thực hiện CC tiền lương					
	- Kinh phí để lại đơn vị					
	- Chi phí hợp lý					
	- Kinh phí phải nộp NN					
6	Thu đạo tạo liên kết	-	-	-	-	-
	Trong đó 40% thực hiện CC tiền lương					
	- Kinh phí để lại đơn vị					
	- Chi phí hợp lý					
5	Thu dạy thêm học thêm	-	-	-	-	-
	Trong đó 40% thực hiện CC tiền lương					
	- Kinh phí để lại đơn vị					
	- Chi phí hợp lý					
	- Kinh phí phải nộp NN					
4	Thu lệ phí tuyển sinh	-	-	-	-	-
	Trong đó 40% thực hiện CC tiền lương					
	- Chi phí hợp lý					
	- Kinh phí phải nộp NN					
3	Thu lệ phí trông xe:	-	-	-	-	-
	Trong đó 40% thực hiện CC tiền lương					
	- Kinh phí để lại đơn vị					
	- Chi phí hợp lý					
2	Thu học phí nghề	-	-	-	-	-
	Trong đó 40% thực hiện CC tiền lương					
	- Kinh phí để lại đơn vị					

2.2	Chi phí học tập theo NĐ 86/2015/NĐ-CP; NĐ 66/2014/NĐ-CP năm 2019				
2.3	Hỗ trợ tiền ăn, tiền ở cho học sinh theo NĐ 116 năm 2016				
2.4	Kinh phí hỗ trợ nấu ăn cho học sinh theo NQ 82/2017/NQ-HĐND				
2.5	Kinh phí chế độ học sinh DTNT theo TT 109				
2.6	Kinh phí mua sắm, tăng cường cơ sở vật chất				
2.7	Kinh phí chi chung toàn ngành				
...	Kinh phí.....				

* . Thuyết minh dự toán:

KẾ TOÁN ĐƠN VỊ

Hoà Bình ngày tháng 8 năm 2019
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Lưu ý:

- Bảng lương tính và các chế độ của học sinh theo mức lương cơ sở: 1.490.000 đồng
- Kèm theo bảng lương tháng 8/2019 (tính đủ các phụ cấp được hưởng và được quy đổi ra hệ số); nếu có điều chuyển người đi-về yêu cầu báo cáo ngay
- Danh sách đối tượng học sinh được hưởng chính sách theo NĐ 116/2016 (biểu số 01)
- Danh sách cấp bù học phí năm học 2019-2020 (biểu số 02)
- Danh sách hỗ trợ chi phí học tập năm học 2019-2020 (biểu số 03)

DỰ TOÁN THU - CHI NSNN NĂM 2020

(Kèm theo Công văn số 1817/SGD&ĐT-KHTC ngày 22 /8/2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

A- CÁC CHỈ TIÊU:

1. Số lao động:

người

a. Biên chế:

- Số biên chế được duyệt (theo QĐ của Sở GD&ĐT)

người

- Biên chế hiện có

người

- Biên chế (thừa); (thiếu)

người

b. Hợp đồng theo NĐ 68/2000/NĐ-CP:

người

- Số được giao

người

- Số có mặt

người

- Thừa; thiếu

người

c. Hợp đồng ngắn hạn:

người

2. Quy mô trường lớp:

TT	Nội dung	Số lớp	
		Số lớp	Số học sinh
	* Khối 6		
	* Khối 7		
	* Khối 8		
	* Khối 9		
	* Khối 10		
	* Khối 11		
	* Khối 12		
	Cộng:	-	-

Trong đó:

Trong đó:			Trong đó							
TT	Số học sinh được hưởng các chế độ chính sách	Tổng số học sinh								
			Khối 6	Khối 7	Khối 8	Khối 9	Khối 10	Khối 11	Khối 12	
1	Số học sinh được miễn học phí									
2	Số học sinh được giảm học phí									
a	Giảm 70%									
b	Giảm 50%									
3	Số học sinh được hỗ trợ chi phí học									
4	Số học sinh được hỗ trợ theo NĐ 116/2016/NĐ-CP									
5	Số học sinh được hỗ trợ.....									
6	Số học sinh được hỗ trợ.....									
										

B SỔ THU CỦA ĐƠN VỊ					
<i>ĐVT: 1.000 đồng</i>					
TT	Nội dung	Thực hiện năm 2018	Năm 2019		Dự toán năm 2020
			Dự toán năm 2019	Ước thực hiện năm 2019	
A	B	1	2	3	4
I	Tổng thu sự nghiệp	-	-	-	-
1	Thu học phí công lập	-	-	-	-
	- Chi phí hợp lý				
	- Kinh phí để lại đơn vị				
	<i>Trong đó 40% thực hiện CC tiền lương</i>				
2	Dịch vụ trông giữ xe đạp:	-	-	-	-
	- Kinh phí phải nộp NN				
	- Chi phí hợp lý				
	- Kinh phí để lại đơn vị				
	<i>Trong đó 40% thực hiện CC tiền lương</i>				
3	Thu dạy thêm học thêm	-	-	-	-
	- Chi phí hợp lý				
	- Kinh phí để lại đơn vị				
4	Thu khác:	-	-	-	-
	- Chi phí hợp lý				
	- Kinh phí để lại đơn vị				
	<i>Trong đó 40% thực hiện CC tiền lương</i>				

C SỬ DỤNG NGUỒN TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ:

	Tổng cộng	-	-	-	-
I	Chi từ nguồn thu sự nghiệp, dịch vụ	-	-	-	-
1	Chi tiền lương, BH				
2	Chi hoạt động chuyên môn, quản lý				
3	Trích khấu hao tài sản (Nếu có)				
4	Chi khác theo quy định				
5	Nộp thuế và các khoản nộp NSNN theo quy định				
II	Dự toán chi NSNN cấp	-	-	-	-
1	Chi thường xuyên	-	-	-	-
1.1	Chi tiền lương, Bảo hiểm, KPCĐ				
1.2	Chi hoạt động chuyên môn, quản lý				
1.3	Chi khác theo quy định				
2	Chi không thường xuyên	-	-	-	-
2.1	Cấp bù học phí theo ND 86/2015/ND-CP				
2.2	Chi phí học tập theo ND 86/2015/ND-CP; ND 66/2014/ND-CP năm 2019				
2.3	Hỗ trợ tiền ăn, tiền ở cho học sinh theo ND 116 năm 2019				
2.4	Kinh phí hỗ trợ nấu ăn cho học sinh theo NQ 82/2017/NQ-HĐND				
2.5	Kinh phí chế độ học sinh DTNT theo TT 109				
2.6	Kinh phí mua sắm, tăng cường cơ sở vật chất				
2.7	Kinh phí chi chung toàn ngành				
...	Kinh phí.....				

* . Thuyết minh dự toán:

Kế toán đơn vị

Hòa Bình, ngày tháng 8 năm 201
Thủ trưởng đơn vị

Lưu ý:

- Bảng lương tính và các chế độ của học sinh theo mức lương cơ sở: 1.490.000 đồng
- Kèm theo bảng lương tháng 8/2019 (tính đủ các phụ cấp được hưởng và được quy đổi ra hệ số); nếu có điều chuyển người đi-về yêu cầu báo cáo ngay
- Kèm theo biểu tính các chế độ học sinh theo TT 109/2009/TTLT/BTC-BGDĐT ngày 29/5/2009
- Danh sách đối tượng học sinh được hưởng chính sách theo NĐ 116/2016 (biểu số 01) (đối với trường DTNT Ngọc
- Danh sách cấp bù học phí năm học 2019-2020 (biểu số 02) (đối với trường DTNT Ngọc Sơn)
- Danh sách hỗ trợ chi phí học tập năm học 2019-2020 (biểu số 03) (đối với trường DTNT Ngọc Sơn)

MẪU DÙNG CHO VĂN PHÒNG SỞ

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÒA BÌNH
VĂN PHÒNG SỞ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ TOÁN THU - CHI NSNN NĂM 2020

(Kèm theo Công văn số **1817** /SGD&ĐT_KHTC ngày **22**/8/2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

A- CÁC CHỈ TIÊU:**1. Số lao động:**

người

a. Biên chế:

- Số biên chế được duyệt (theo QĐ của Sở GD&ĐT)

người

- Biên chế hiện có

người

- Biên chế (thừa); (thiếu)

người

b. Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP:

người

- Số được giao

người

- Số có mặt

người

- Thừa; thiếu

người

c. Hợp đồng ngắn hạn:

người

B SỐ THU TẠI ĐƠN VỊ

TT	Nội dung	Thực hiện năm 2018	Năm 2019		Dự toán năm 2020
			Dự toán năm 2019	Ước thực hiện năm 2010	
A	B	1	2	3	4
I	Tổng thu sự nghiệp	-	-	-	-
1	Thu lệ phí tuyển sinh, lệ phí CC	-	-	-	-
	- Kinh phí phải nộp NN				
	- Chi phí hợp lý				
	- Kinh phí để lại đơn vị				
	Trong đó 40% thực hiện CC tiền lương				
2	Thu đạo tạo liên kết	-	-	-	-
	- Kinh phí phải nộp NN				
	- Chi phí hợp lý				
	- Kinh phí để lại đơn vị				
	Trong đó 40% thực hiện CC tiền lương				
3	Thu khác:	-	-	-	-
	- Chi phí hợp lý				
	- Kinh phí để lại đơn vị				
	Trong đó 40% thực hiện CC tiền lương				

C SỬ DỤNG NGUỒN TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ:

	Tổng cộng	-	-	-	-
I	Chi từ nguồn thu sự nghiệp, dịch vụ	-	-	-	-
1	Chi tiền lương, BH				
2	Chi hoạt động chuyên môn, quản lý				
3	Trích khấu hao tài sản (Nếu có)				

4	Chi khác theo quy định				
5	Nộp thuế và các khoản nộp NSNN theo quy định				
II	Dự toán chi NSNN cấp	-	-	-	-
1	Chi thường xuyên	-	-	-	-
1.1	Chi tiền lương, Bảo hiểm, KPCĐ				
1.2	Chi hoạt động chuyên môn, quản lý				
1.3	Chi khác theo quy định				
2	Chi không thường xuyên	-	-	-	-
2.6	Kinh phí mua sắm, tăng cường cơ sở vật chất				
2.7	Kinh phí chi chung toàn ngành				
...	Kinh phí.....				

* . Thuyết minh dự toán:

Hoà Bình ngày tháng 8 năm 201
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

KẾ TOÁN ĐƠN VỊ

Lưu ý:

- Bảng lương tính theo mức lương cơ sở: 1.490.000 đồng
- Kèm theo bảng lương tháng 8/2019 (tính đủ các phụ cấp được hưởng và được quy đổi ra hệ số); nếu có điều chuyển người đi-về yêu cầu báo cáo ngay

(Kèm theo Công văn số 1417 /SGD&ĐT_KHTC ngày 22 /8/2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

[illegible]

* .Thuyết minh dự toán:.....

Hoà Bình ngày tháng 8 năm 201

KẾ TOÁN ĐƠN VỊ

DỰ TOÁN THU - CHI NSNN NĂM 2020

(Kèm theo Công văn số 1817 /SGD&ĐT_KHTC ngày 22 /8/2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

A- CÁC CHỈ TIÊU:

1. Số lao động:

a. Biên chế:

người

- Số biên chế được duyệt (theo QĐ của Sở GD&ĐT)

người

- Biên chế hiện có

người

- Biên chế (thừa); (thiếu)

người

b. Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP:

người

- Số được giao

người

- Số có mặt

người

- Thừa; thiếu

người

c. Hợp đồng ngắn hạn:

người

2. Quy mô trường lớp

TT	Nội dung	Số lớp	
		Số lớp	Số học sinh
	* Hệ chính quy		
	1-		
	2-		
	3-		
	- ...		
	* Hệ tại chức		
	1-		
	2-		
	3-		
	...		
	* Liên doanh - Liên kết		
	1-		
	2-		
	3-		
	...		
	* Đào tạo khác		
	1-		
	...		

Trong đó:

TT	Số học sinh được hưởng các chế độ chính sách	Tổng số
1	Số học sinh được hỗ trợ theo QĐ 66 của Thủ tướng Chính phủ	
2	Số học sinh được hỗ trợ theo QĐ 53 của Thủ tướng Chính phủ	

3	Số học sinh được hỗ trợ.....	
4	Số học sinh được hỗ trợ.....	
		

B SỔ THU CỦA ĐƠN VỊ

TT	Nội dung	Thực hiện năm 2018	Năm 2019		Dự toán năm 2020
			Dự toán năm 2019	Ước thực hiện năm 2019	
I	Tổng thu sự nghiệp	1	2	3	4
1	Cao đẳng chính quy	-	-	-	-
	- Chi phí hợp lý	-	-	-	-
	- Kinh phí để lại đơn vị	-	-	-	-
	Trong đó 40% thực hiện CC tiền lương	-	-	-	-
2	Trung cấp chính quy	-	-	-	-
	- Chi phí hợp lý	-	-	-	-
	- Kinh phí để lại đơn vị	-	-	-	-
	Trong đó 40% thực hiện CC tiền lương	-	-	-	-
3	Cao đẳng không chính quy	-	-	-	-
	- Chi phí hợp lý	-	-	-	-
	- Kinh phí để lại đơn vị	-	-	-	-
	Trong đó 40% thực hiện CC tiền lương	-	-	-	-
4	Trung cấp không chính quy	-	-	-	-
	- Chi phí hợp lý	-	-	-	-
	- Kinh phí để lại đơn vị	-	-	-	-
	Trong đó 40% thực hiện CC tiền lương	-	-	-	-
5	Thu lệ phí trông xe:	-	-	-	-
	- Kinh phí để lại đơn vị	-	-	-	-
	Trong đó 40% thực hiện CC tiền lương	-	-	-	-
6	Thu lệ phí tuyển sinh	-	-	-	-
	- Chi phí hợp lý	-	-	-	-
	- Kinh phí để lại đơn vị	-	-	-	-
7	Thu đạo tạo liên kết	-	-	-	-
	- Kinh phí để lại đơn vị	-	-	-	-
	- Chi phí hợp lý	-	-	-	-
	- Kinh phí phải nộp NN	-	-	-	-
	- Chi phí hợp lý	-	-	-	-
	- Kinh phí để lại đơn vị	-	-	-	-
8	Thuế CSVC:	-	-	-	-
	- Kinh phí để lại đơn vị	-	-	-	-
	Trong đó 40% thực hiện CC tiền lương	-	-	-	-
9	Thu khác:	-	-	-	-
	- Kinh phí phải nộp NN	-	-	-	-
	- Chi phí hợp lý	-	-	-	-
	- Kinh phí để lại đơn vị	-	-	-	-
	Trong đó 40% thực hiện CC tiền lương	-	-	-	-

BVT: 1.000 đồng

	- Chi phí hợp lý				
	- Kinh phí để lại đơn vị				
	Trong đó 40% thực hiện CC tiền lương				

C SỬ DỤNG NGUỒN TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ:

	Tổng cộng	-	-	-	-
I	Chi từ nguồn thu sự nghiệp, dịch vụ	-	-	-	-
1	Chi tiền lương, BH				
2	Chi hoạt động chuyên môn, quản lý				
3	Trích khấu hao tài sản (Nếu có)				
4	Chi khác theo quy định				
5	Nộp thuế và các khoản nộp NSNN theo quy định				
II	Dự toán chi NSNN cấp	-	-	-	-
1	Chi thường xuyên	-	-	-	-
1.1	Chi tiền lương, Bảo hiểm, KPCĐ				
1.2	Chi hoạt động chuyên môn, quản lý				
1.3	Chi khác theo quy định				
2	Chi không thường xuyên	-	-	-	-
2.1	Số học sinh được hỗ trợ theo QĐ 66 của Thủ tướng Chính phủ				
2.2	Số học sinh được hỗ trợ theo QĐ 53 của Thủ tướng Chính phủ				
2.3	Kinh phí mua sắm, tăng cường cơ sở vật chất				
2.4	Kinh phí.....				
2.5	Kinh phí.....				

* . Thuyết minh dự toán:

KẾ TOÁN ĐƠN VỊ

Hoà Bình ngày tháng 8 năm 2019
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

- Bảng lương tính theo mức lương cơ sở: 1.490.000 đồng
- Kèm theo bảng lương tháng 8/2019 (tính đủ các phụ cấp được hưởng và được quy đổi ra hệ số) để đối chiếu;
- Quyết định giao chỉ tiêu tuyển sinh
- Danh sách học sinh - Sinh viên hiện có
- Danh sách HS,SV hưởng hỗ trợ chi phí học tập
- Danh sách HS,SV hưởng chế độ chính sách dân tộc